

**KẾ HOẠCH**  
**Kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2026**

Căn cứ Quyết định số 153/KH-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2026;

Để có cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính một cách kịp thời, hiệu quả. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026 của tỉnh tại các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Nhằm rà soát, đánh giá việc triển khai và thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gắn với các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 53/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2026.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để tham mưu giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời ghi nhận những kết quả đạt được, biểu dương những cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt, có đổi mới, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính.

- Kết quả kiểm tra cải cách hành chính là một trong các căn cứ quan trọng trong hoạt động xác định Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

**2. Yêu cầu**

- Việc kiểm tra công tác cải cách hành chính phải thực hiện đúng quy định, có trọng tâm, trọng điểm; nội dung kiểm tra đầy đủ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực cải cách hành chính.

- Việc kiểm tra đảm bảo khách quan gắn với việc tập trung hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; không gây trở ngại đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình kiểm tra. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ, tài liệu; phân công công chức, viên chức cung cấp các thông tin, hồ sơ cho Đoàn kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm tra thực hiện các nội dung kiểm tra theo Kế hoạch.

- Những tồn tại, hạn chế được chỉ ra qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị được kiểm tra phải có giải pháp khắc phục một cách nghiêm túc và có báo cáo kết quả khắc phục.

## **II. NỘI DUNG KIỂM TRA**

Kiểm tra việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2026 của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị địa phương, tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau:

### **1. Kiểm tra định kỳ**

#### **a) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

- Việc quán triệt, triển khai các văn bản của cấp trên; việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm; công tác báo cáo cải cách hành chính định kỳ và đột xuất; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và những sáng kiến trong triển khai thực hiện.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện các Chỉ số cải cách hành chính: PAR INDEX, SIPAS, PCI thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

#### **b) Cải cách thể chế**

- Việc tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh do UBND, Chủ tịch UBND giao; HĐND và

UBND cấp xã do UBND cấp xã giao (tham mưu ban hành đầy đủ, đúng tiến độ, đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản và chất lượng văn bản).

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kết quả kiểm tra, rà soát; kết quả khắc phục sau kiểm tra, rà soát.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

### **c) Cải cách thủ tục hành chính**

- Cập nhật, công bố, niêm yết, công khai TTHC; Kết quả tham mưu công bố, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.

- Kết quả rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; rà soát, đánh giá, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC

- Việc giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết quả giải quyết TTHC; việc thực hiện xin lỗi tổ chức, cá nhân khi xảy ra tình trạng giải quyết TTHC trễ hẹn.

- Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính, TTHC; công tác phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Việc tiếp nhận, trả kết quả TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Kết quả thực hiện cấp kết quả điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần; TTHC có phát sinh hồ sơ; kết quả giải quyết.

- Kiểm tra tác phong, lề lối, thái độ làm việc của công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Phục vụ hành chính công; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

### **d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bên trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; việc thành lập các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp xã đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Việc ban hành các quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong theo quy định.

- Thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập theo kế hoạch đề ra.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ được cấp trên phân cấp, phân quyền (nêu rõ số nhiệm vụ đơn vị được phân cấp, kết quả thực hiện); công tác kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã (nếu có) thuộc chức năng quản lý của ngành, đơn vị.

#### **đ) Cải cách chế độ công vụ**

- Việc bố trí công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt; kết quả khắc phục tình trạng bố trí công chức, viên chức chưa đúng theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt (nếu có).

- Công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý, bổ nhiệm công chức, viên chức; thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. - Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc bố trí công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

#### **e) Cải cách tài chính công**

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị, địa phương; việc rà soát xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

- Việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ được cấp trên phân cấp lĩnh vực tài chính (nêu rõ số nhiệm vụ đơn vị được phân cấp, kết quả thực hiện); công tác kiểm tra, giám sát đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã (nếu có) thuộc chức năng quản lý của ngành, đơn vị.

#### **g) Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước**

- Mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ CCHC.

- Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Đề án 06.

- Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57.

- Việc khai thác sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng cung cấp và thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến; việc cập nhật công khai thông tin cải cách hành chính trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **2. Kiểm tra chuyên đề**

Kiểm tra việc vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình một cửa tập trung; tình hình giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị; cung cấp dịch vụ công trực tuyến...

## **3. Kiểm tra đột xuất**

Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kiểm tra đột xuất một số cơ quan, đơn vị địa phương trong thực hiện cải cách hành chính và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

# **III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**

## **1. Đối tượng, thời gian kiểm tra:**

### **1.1 Kiểm tra định kỳ:**

- **Đợt 1:** Ủy ban nhân dân các xã, phường: Pleiku, Hội Phú, Thống nhất, Diên Hồng, An Phú, Biển Hồ, Gào, Ia Ly, Chư Păh, Ia Khuol, Ia Phí, Ayun Pa, Ia Rbol, Ia Sao, Phú Thiện, Chư A Thai, Ia Hiao, Đak Đoa, Kon Gang, Ia Băng, Kdan, Đak Somei, Mang Yang, Lơ Pang, Kon Chiêng, Hra, Ayun.

- **Đợt 2:** Ủy ban nhân dân các xã, phường: Vân Canh, Canh Vinh, Canh Liên, Phù Cát, Xuân An, Ngô Mỹ, Cát Tiến, Đê Gi, Hòa Hội, Hội Sơn.

- **Đợt 3:** Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, bao gồm: Xây dựng, Nội vụ, Công thương.

### **1.2 Kiểm tra chuyên đề**

Ủy ban nhân dân các xã, phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Tuy Phước, Tuy Phước Bắc, Bình Dương, Phù Mỹ, Chư Sê, Chư Puh.

### **1.3 Kiểm tra đột xuất**

Trong năm 2026, thực hiện kiểm tra đột xuất ít nhất 06 cơ quan, đơn vị.

## **2. Thời gian kiểm tra**

- Thời gian dự kiến tiến hành kiểm tra: các Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra từ Tháng 5 năm 2026 đến hết Tháng 7 năm 2026. Thời gian cụ thể do Trưởng Đoàn kiểm tra quyết định.

- Đối với kiểm tra đột xuất: Tùy vào yêu cầu tình hình thực tế, việc kiểm tra đột xuất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Mốc thời gian kiểm tra: theo từng nội dung yêu cầu tại đề cương báo cáo.

## **3. Phương pháp kiểm tra**

Tùy tình hình thực tế, các Đoàn kiểm tra sẽ đề xuất phương án kiểm tra phù hợp, hiệu quả và thuận tiện cho các cơ quan, đơn vị địa phương và cho Đoàn kiểm tra.

- Kiểm tra trực tiếp: Căn cứ Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh, Đoàn kiểm tra sẽ thông báo về thời gian, nội dung kiểm tra và tổ chức kiểm tra trực tiếp tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch.

- Kiểm tra gián tiếp: Căn cứ Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra xây dựng báo cáo theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra và gửi về Đoàn kiểm tra kèm theo các tài liệu kiểm chứng kèm theo.

- Tự kiểm tra: Căn cứ Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh, đề cương báo cáo, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức tự kiểm tra, gửi báo cáo kết quả kiểm tra cho Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **IV. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA VÀ THÀNH PHẦN LÀM VIỆC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Thành phần Đoàn kiểm tra**

- Bao gồm các cơ quan: Công An tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Mời phóng viên Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai tham gia đưa tin và tuyên truyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính.

### **2. Thành phần làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra**

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc có liên quan đến nội dung kiểm tra; công chức được giao nhiệm vụ theo dõi, tham mưu công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:**

- Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh để tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung kiểm tra công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch; báo cáo kết quả kiểm tra và tham mưu, đề xuất cụ thể đối với các vấn đề phát hiện thông qua hoạt động kiểm tra để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo việc thực hiện.

### **2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh:**

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng kiểm tra theo Kế hoạch:

- Chuẩn bị xây dựng báo cáo theo nội dung đề cương kiểm tra và nội dung bổ sung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra (nếu có) để phục vụ công tác kiểm tra.

- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm tra làm việc trong quá trình kiểm tra; cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Các cơ quan, đơn vị thuộc thành viên Đoàn kiểm tra có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính của tỉnh.

c) Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai: cử phóng viên tham dự cùng Đoàn kiểm tra để đưa tin và tuyên truyền về hoạt động kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

### **3. Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra**

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra định kỳ

- Chuẩn bị nội dung báo cáo theo đề cương gửi kèm Kế hoạch này, tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra thực hiện tốt nhiệm vụ. Đồng thời, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, hồ sơ có liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các thông tin, hồ sơ đã cung cấp.

- Tổ chức thực hiện nghiêm các kiến nghị, kết luận của Đoàn kiểm tra; khắc

phục ngay những tồn tại, hạn chế do Đoàn kiểm tra chỉ ra, báo cáo kết quả khắc phục các hạn chế theo yêu cầu.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra đột xuất

- Cung cấp tài liệu cho thành viên Đoàn kiểm tra khi yêu cầu; phối hợp với Đoàn kiểm tra xác thực những hạn chế do Đoàn kiểm tra chỉ ra.

- Khắc phục hạn chế và báo cáo kết quả khắc phục những hạn chế do Đoàn kiểm tra chỉ ra.

c) Các đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra chuyên đề

- Đoàn kiểm tra sẽ có thông báo cụ thể nội dung kiểm tra, đơn vị căn cứ nội dung kiểm tra để xây dựng nội dung báo cáo phục vụ Đoàn kiểm tra.

- Khắc phục hạn chế và báo cáo kết quả khắc phục những hạn chế do Đoàn kiểm tra chỉ ra.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được bố trí từ nguồn kinh phí cải cách hành chính Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm 2026.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét, giải quyết./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- UBND các xã, phường;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**  
**Phục vụ kiểm tra toàn diện công tác cải cách hành chính năm 2026**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

- Việc quán triệt các văn bản chỉ đạo về CCHC của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền đến đội ngũ cán bộ, công chức viên chức thuộc phạm vi quản lý.

- Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm; công tác báo cáo CCHC định kỳ và đột xuất; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương và những sáng kiến trong triển khai thực hiện.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao điểm số và thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số Đo lường sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Cải cách thể chế**

- Việc tham mưu ban hành các văn bản quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên (tham mưu ban hành đầy đủ, đúng tiến độ, đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản và chất lượng văn bản).

- Xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2026 và kết quả tổ chức thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo Kế hoạch ban hành.

**2. Cải cách thủ tục hành chính**

- Cập nhật, công bố, niêm yết, công khai TTHC; Kết quả tham mưu công bố, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.

- Kết quả rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC; rà soát, đánh giá, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC

- Việc giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết quả giải quyết TTHC; việc thực hiện xin lỗi tổ chức, cá nhân khi xảy ra tình trạng giải quyết TTHC trễ hẹn.

- Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính, TTHC; công tác phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Việc tiếp nhận, trả kết quả TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Kết quả thực hiện cấp kết quả điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần; TTHC có phát sinh hồ sơ; kết quả giải quyết.

- Kiểm tra tác phong, lễ l貌, thái độ làm việc của công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Phục vụ hành chính công; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Việc ban hành các quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong và cơ cấu số lượng chức danh lãnh đạo theo quy định của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

- Việc bố trí công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý;

- Công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý, bổ nhiệm công chức, viên chức; thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. - Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc bố trí công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Việc rà soát xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **g) Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước**

- Tình hình, tiến độ, kết quả triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương (NQ 57, Đề án 06); việc xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý.

- Việc sử dụng Hệ thống văn phòng điện tử; tạo lập hồ sơ công việc trên môi trường điện tử.

- Kết quả triển khai thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến “Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến”;

- Việc cập nhật công khai thông tin CCHC, công khai thủ tục hành chính trên trang Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt đạt được**

### **2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

## **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Nêu những kiến nghị, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, ngành có liên quan để đẩy mạnh công tác CCHC trong thời gian tới./.